TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18 /2023/DS-ST
Ngày: 16/11/2023
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tặng

Bà: Đinh Thị Của

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Bá Thi –Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2 tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Quang Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST – DS ngày 11/7/2023 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST- DS ngày 11/10/2023 của TAND huyện Minh Hoá giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Anh Đinh Văn N – sinh năm 1976

Và chị Đinh Thị H – sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn BM, xã T1, huyện T2, tỉnh Quảng Bình. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn Kh – sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn T0, huyện T2, tỉnh Quảng Bình. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: anh Đinh Chiến Th, sinh năm 1986. (có mặt)

Trú tại: Thôn BM, xã T1, huyện T2, tỉnh Quảng Bình.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Minh T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T2 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn T0, huyện T2, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2023, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Đinh Văn N trình bày: thực hiện chủ trương của Nhà nước, năm 1990 gia đình anh đi làm kinh tế, sinh sống, canh tác và sản xuất ổn định tại thôn Kinh Tế Pheo, hiện nay sát nhập lại là thôn BM, xã T1, huyện T2, tỉnh Quảng Bình. Gia đình anh đã được Nhà nước công nhận và cấp đất đai cho sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm và đất rừng sản xuất từ năm 2003 đứng tên bố của anh. Ngày 21/8/2019, gia đình anh được bố tặng cho lại đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 39, diện tích 23.864,0 m^2. Năm 2003 gia đình anh có cho ông Đinh Văn Kh mượn tạm một phần diện tích đất để ở cho gần nguồn nước vì gia đình ông Kh ở xa nguồn nước sinh hoạt. Hiện tại ông Đinh Văn Kh đã chuyển về ở tại tổ dân phố 8, thị trấn T0, huyện T2 không ở trên diện tích đất của anh cho ông mượn để ở nữa nhưng vẫn còn ngôi nhà 02 gian, ống nước, đường dây điện và chuồng bò chưa chuyển đi. Hiện nay, gia đình anh có nhu cầu cải tạo vườn để phát triển kinh tế nên lấy lại phần diện tích đã cho mượn tạm trước đây nhưng ông Đinh Văn Kh không chịu trả lại đất cho anh. Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Văn Kh trả lại phần đất đã mượn tạm của gia đình anh khoảng 300 m^2 , di dời nhà, ống nước, đường điện và chuồng bò trên phần đất của anh cho mượn, yêu cầu tòa án công nhận toàn bộ cây cối trên đất là của anh trồng trước khi cho ông Kh mượn đất.

Chị Đinh Thị H trình bày: Chị có cùng ý kiến với chồng của chị. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Kh di dời nhà, ống nước, đường điện và chuồng bò trên phần đất của gia đình chị và trả lại phần đất đã mượn tạm của gia đình chị khoảng 300 m^2 .

Tòa án đã thụ lý vụ kiện và tiến hành giải quyết. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ông Đinh Văn Kh trình bày và tại phiên tòa hôm nay ông Đinh Chiến Th trình bày: Gia đình ông không đồng ý với yêu cầu của anh N, chị H, thực chất là gia đình ông Kh không mượn đất của gia đình anh N. Trường hợp đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh N ông nhất trí trả đất cho vợ chồng anh N, nhưng anh N và chị Huệ phải đền bù tiền cho ông để ông di dời các công trình nhà cửa và đền bù cây cối cho ông vì toàn bộ cây cối trên đất là của ông trồng sau khi đến ở khu vực đất tranh chấp.

Đại diện UBND huyện Minh Hoá, ông Đinh Minh T trình bày: Năm 2002 bố của anh N là ông Thủ làm hồ sơ đề nghị cấp đất Giấy chứng nhận quyên sử dụng đất sau đó UBND huyện xem xét hồ sơ cấp đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Thủ đủ điều kiện nên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cho gia đình ông Thủ, đến năm 2008 thực hiện chủ trương chuyển đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Thủ có đơn xin cấp lại và Ủy ban nhân dân xã T1 xét hồ sơ và xác nhận. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Thủ thì UBND đã thực hiện theo đúng chủ trương của nhà nước và có hộ gia đình ông Kh ký xác nhận đất liền kề. Sau đó ông Thủ tặng cho lại đất cho anh N và chị H và được Sở Tài nguyên và Môi trưởng tỉnh Quảng Bình ký quyết định đúng quy định của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và các văn bản liên quan khác về hướng dẫn dẫn thi hành Luật Đất đai và được các hộ liền kề xác nhận.

Tòa án đã tạo điều kiện cho các bên cung cấp chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Anh Đinh Văn N và ông Đinh Văn Kh đều có yêu cầu thẩm định và định giá tài sản. Ngày 22/8/2023 Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp. Hội đồng đã sử dụng máy Sino GNSS để xác định các tọa độ vùng đất tranh chấp.

Kết quả như sau: Khu vực đất tranh chấp có diện tích là 426 m^2 .

Toàn bộ diện tích 426 m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS650646, thửa đất số 127 tờ bản đồ số 39 cấp cho anh Đinh Văn N và chị Đinh Thị H có tứ cận như sau:

Cạnh phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 2 có chiều dài 23,65m giáp đường giao thông ; Cạnh phía N từ điểm 4 đến điểm 5 có chiều dài 25,27m giáp thửa đất số 127 tờ bản đồ số 39; Cạnh phía Đông từ điểm 2 đến điểm 3 đến điểm 4 có chiều dài 11,23 m giáp thửa đất số 127 tờ bản đồ số 39; Cạnh phía Tây điểm 1 đến điểm 6 đến điểm 5 có chiều dài 21,37 m giáp thửa đất số 127 tờ bản đồ số 39.

Trên khu vực đất tranh chấp có các tài sản gồm :

- 01 ngôi nhà kết cấu gỗ tròn các loại, mái lợp fibroximang, cửa gỗ loại đơn giản diện tích 8m x 5,5m = 44m^2 , xây dựng năm 2003 sau khi trừ đi tỷ lệ hao mòn qua các năm đã hết giá trị. Hội đồng định giá thống nhất giá trị sử dụng của ngôi nhà là 5.000.000 đồng.

- 01 chuồng bò khung gỗ, mái lợp fibroximang, diện tích 2,7m x 3m = 8,1 m^2 xây dựng năm 2003 sau khi trừ đi tỷ lệ hao mòn qua các năm đã hết giá trị. Hội đồng định giá thống nhất giá trị sử dụng của chuồng bò là 500.000 đồng.

- 02 cây mít loại $\Phi \geq 30$cm trị giá 1.800.000 x 2 = 3.600.000 đồng.

- 01 cây mít trồng từ 3 đến 5 năm trị giá 115.900 đồng

- 07 cây dó trầm loại $\Phi \geq 30$cm trị giá 3.300.000 x 7 = 23.100.000 đồng

- 05 cây huê loại 15 cm $\leq \Phi \leq$ 30cm trị giá 1.650.000 x 5 = 8.250.000 đồng

- 01 cây bưởi có quả ổn định trị giá 661.200 đồng

- 05 cây bưởi trồng từ 3 đến 5 năm trị giá 158.400 x 5 = 792.000 đồng

- 30 bụi chuối sắp có buồng trị giá 25.300 x 30 = 759.000 đồng

- 02 cây ổi có quả ổn định trị giá 313.000 x 2 = 626.000 đồng

- 03 cây ổi sắp ra quả trị giá 189.000 x 3 = 567.000 đồng
- 30 bụi dứa đã ra quả trị giá 13.800 x 30 = 414.000 đồng
- 41 bụi chè trị giá 37.000 x 41 = 1.517.000 đồng

Sau khi có kết quả thẩm định và định giá Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T2 phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng và đưa ra quan điểm xét xử đối với vụ án như sau:

Căn cứ các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 158, 163, 164, 166, 189,190 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 100, 166, 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn N và bà Đinh Thị H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Đinh Văn Kh.

Buộc ông: Đinh Văn Kh trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho ông Đinh Văn N và Đinh Thị H là: 426m^2, toàn bộ khu vực đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 127, tờ bản đồ số 39, diện tích 23864m^2, thuộc thôn Kinh Tế Pheo (nay là thôn BM), xã T1, huyện T2, tỉnh Quảng Bình, có tứ cận: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông từ điểm 1 đến điểm 2 dài 23,65m; Cạnh phía N giáp thửa đất số 127, từ điểm 4 đến điểm 5 dài 25,27m; Cạnh phía Đông giáp thửa đất số 127, từ điểm 2 đến điểm 3, đến điểm 4 dài 11,23m; Cạnh phía Tây giáp thửa đất số 127, từ điểm 1 đến điểm 6, đến điểm 5 dài 21,37m.

Buộc ông Đinh Văn Kh phải tháo dở, di dời công trình trên đất gồm: 01 ngôi nhà kết cấu gỗ tròn, mái lợp fibroximăng, diện tích 8m x 5,5m = 44m^{2}và 01 chuồng lợn khung gỗ, mái lợp fibroxi măng, diện tích 2,7m x 3m = 8,1m^2 ra khỏi thửa đất số 127, tờ bản đồ 39, diện tích 23864m^2 để trả lại hiện trạng đất cho ông Đinh Văn N, bà Đinh Thị H.

Giao 07 cây gió trầm loại Ø > 30cm; 05 cây huê loại 15cm < Ø < 30cm; 02 cây mít loại Ø > 30cm, 01 cây mít trồng từ 3 đến 5 năm; 01 cây bưởi có quả ổn định; 05 cây bưởi loại trồng từ 3 đến 5 năm; 30 bụi chuối sắp có buồng; 02 cây ổi loại có quả ổn định; 03 cây ổi loại sắp ra quả; 30 bụi dứa đã ra quả; 41 bụi chè trồng trên 10 năm cho ông Đinh Văn N và bà Đinh Thị H sở hữu. Ông Đinh Văn N và bà Đinh Thị H phải có nghĩa vụ trả lại tiền giá trị số cây nói trên cho ông Đinh Văn Kh.

Về án phí: Ông Đinh Văn Kh phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng, và chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai các bên đương sự, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nguồn gốc thửa đất có tranh chấp của gia đình anh Đinh Văn N và chị Đinh Thị H được Nhà nước công nhận và cấp đất đai cho sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm và đất rừng sản xuất cho bố anh N là ông Thủ từ năm 2003. Sau đó ông Thủ tặng cho lại cho anh N và chị H và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 39, diện tích 23.864,0 m^2 cấp ngày 21/8/2019 bản đồ địa chính xã T1, huyện T2, tỉnh Quảng Bình chủ sử dụng anh Đinh Văn N và bà Đinh Thị H.

Ông Đinh Văn Kh trình bày nguồn gốc thửa đất là năm 2003 ông đến ở khu vực đất tranh chấp để gân nguồn nước, ông không mượn đất của gia đình anh N, gia đình ông sinh sống trên thửa đất đó, cho đến năm 2019 thì ông chuyển chổ ở khác để lại nhà cho con ở cho đến nay.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Qua xem xét thủ tục cấp đất và xem xét, thẩm định tại chỗ Hội đồng xét xử nhận định: Anh N và chị H được Sở tại nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp đất đúng trình tự thủ tục quy định của Luật đất đai, trong quá trình làm thủ tục cấp đất không có ai tranh chấp và khiếu nại về việc cấp đất nên việc cấp đất cho anh anh N và chị H là đúng quy định. Anh N và chị H yêu cầu ông Kh trả lại diện tích đất đã mượn là có căn cứ, quá trình xem xét thẩm định tại chổ khu vực đất tranh chấp thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh N chị H. Về phía ông Kh khai ông không mượn đất của gia đình anh N là không có căn cứ, ông Kh biết khu vực đất ông ở thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh N vì khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh N ông Kh đã ký vào hộ gia đình có đất liền kề và ông Kh không có tranh chấp hay khiếu nại gì về việc cấp đất cho gia đình anh N và ông Kh cũng nhất trí giao đất lại cho anh N và chị H nhưng không thực hiện việc di dời và các công trình trên đất tranh chấp để trả lại đất cho gia đình anh N vì gia đình anh N không bồi thương tiền di dời nhà, các công trình và các cây trồng trên đất. Xem xét quá trình cấp đất, cấp đổi và lời khai của anh N chị H và ông Kh và kết quả xem xét, thẩm định tại chổ cho thấy việc ông Kh mượn đất của gia đình anh N là có căn cứ. Xét yêu cầu của N và chị H đòi lại diện tích đất mà gia đình anh đã cho ông Kh mượn là hợp lý, tuy nhiên tại khu vực đất tranh chấp khi thẩm định lại là có diện tích 426 m^2, nhưng trong đơn khởi kiện ông N và chị H yêu cầu diện tích tranh chấp khoảng 300 m^2. Anh N và chị H đề nghị bổ sung và yêu cầu ông Kh trả lại diện tích theo như kết quả xem xét thẩm định là 426 m^2. Việc bổ sung yêu cầu của anh N và chị H do đo đạc bằng thước dây nên không chính xác nên đề nghị Tòa án giải quyết theo kết quả xem xét thẩm định là hợp lý không vượt quá phạm vi khởi kiện nên chấp yêu cầu khởi kiện của anh N và chị H buộc ông Kh trả lại diện tích đã mượn cho gia đình anh N và chị H diện tích 426m^2 là hợp lý.

Đối với các cây trồng trên đất tranh chấp anh N và chị H khai do gia đình anh chị trồng nhưng ông Kh không nhất trí, ông Kh khai các cây trồng trên đất do gia đình ông trồng từ khi dựng nhà ở trên đất từ năm 2003 lúc đó anh N chưa cưới vợ và ông trồng cùng thời điểm với bố của anh N. Hội đồng xét xử nhận thấy tại thời điểm gia đình anh N và chị H ở anh N và chị H khai các cây do anh chị trồng là không có căn cứ . Việc ông Kh khai các cây do ông trồng là có căn cứ vì ông Kh ở trên đất tranh chấp hơn 20 năm và có rào thửa khu vực đất ở và cùng cả gia đình ở trên đó việc ông Kh ở trên khu vực đất và trồng cây có những người làm chứng như ông Đinh Xuân Quý, ông Đinh Xuân Hải, ông Đinh Văn Đồng và ông Đinh Thanh Hải làm chứng và xác nhận. Vì vậy cần giao các cây cho gia đình anh N sở hữu và anh N và chị H có trách nhiệm trả giá trị các cây trên đất tranh chấp cho ông Kh là thỏa đáng.

[3] Căn Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 143, 146, 147, 156, 165, 166, và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 163; Điều 166; Điều 189 Bộ luật Dân sự. Điều 100, Điều 105,Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh N và chị H buộc ông Đinh Văn Kh phải trả lại cho anh N và chị H diện tích đất đã mượn là 426 m^2 thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 39, bản đồ địa chính xã T1. Tọa độ và tứ cận thửa đất như sau.

Điểm 1: X=1964775.49; Y=49472389; Điểm 2: X=1964759.48; Y=49474130 ; Điểm 3: X=1964752.97; Y=49473735; Điểm 4: X=1964750.74; Y=49473449 ; Điểm 5: X=1964760.53; Y=49471109 ; Điểm 6: X=1964768.72; Y=49471151.

Thửa đất tranh chấp có tứ cận như sau:

Cạnh phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 2 có chiều dài 23,65m giáp đường giao thông ; Cạnh phía N từ điểm 4 đến điểm 5 có chiều dài 25,27m giáp thửa đất số 127 tờ bản đồ số 39; Cạnh phía Đông từ điểm 2 đến điểm 3 đến điểm 4 có chiều dài 11,23 m giáp thửa đất số 127 tờ bản đồ số 39; Cạnh phía Tây điểm 1 đến điểm 6 đến điểm 5 có chiều dài 21,37 m giáp thửa đất số 127 tờ bản đồ số 39.

Trên diện tích đất buộc ông Kh trả lại cho anh N và chị H có 01 ngôi nhà tạm cột gỗ tròn, mái lợp prôximăng,cửa gỗ loại đơn giản diện tích 44m^2 và 01 chuồng bò khung gỗ, mái lợp rôximăng, diện tích 8,1 m^2 xây dựng năm 2003 do ông Kh xây dựng nên buộc ông Kh tháo dỡ và di dời các tài sản trên là hợp lý.

Việc ông Kh mượn đất được sự nhất trí của gia đình anh N và chị H nên việc di dời nhà và đường điện và ống nước của ông Kh, gia đình anh N phải có trách nhiệm hỗ trợ chi phí di dời nhà và các công trình cụ thể, hỗ trợ số tiền di dời nhà là 3.500.000 đồng, di dời ông nước 1.500.000 đồng và đường điện 1.500.000 đồng là hợp lý.

Đối với chi phí thẩm định và định giá tài sản do yêu cầu của anh N và chị H được chấp nhận nên ông Kh phải chịu chi phí tố tụng. Tổng chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng. Ông Kh đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 2.000.000 đồng và anh N nộp 2.000.000 đồng, này buộc ông Kh có nghĩa vụ trả lại cho anh N số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp tại Tòa án.

Án phí: Ông Đinh văn Kh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Đinh Văn N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại chị Cục Thi hành án dân sự huyện T2 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000798 ngày 11/7/2023.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 143, 146, 147, 156, 165, 166, và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158; Điều 163; Điều 166; Điều 189 ; Điều 190 Bộ luật Dân sự. Điều 100, Điều 105, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn N và chị Đinh Thị H buộc ông Đinh Xuân Kh phải trả lại cho anh Đinh văn N và chị Đinh Thị H diện tích đất đã mượn là 426m^2, thuộc thủa đất số 127 tờ bản đồ số 39, bản dồ địa chính xã T1; địa chỉ thửa đất xã T1, huyện T2, tỉnh Quảng Bình.

Buộc ông Đinh Văn Kh trả lại cho anh Đinh Văn N và chị Đinh Thị H diện tích đất đã mượn là 426m^2, thuộc thủa đất số 127 tờ bản đồ số 39, địa chỉ thửa đất xã T1, huyện T2, tỉnh Quảng Bình.

Điểm 1: X=1964775.49; Y=49472389; Điểm 2: X=1964759.48; Y=49474130 ; Điểm 3: X=1964752.97; Y=49473735; Điểm 4: X=1964750.74; Y=49473449 ; Điểm 5: X=1964760.53; Y=49471109 ; Điểm 6: X=1964768.72; Y=49471151. Thửa đất tranh chấp có tứ cận như sau:

Cạnh phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 2 có chiều dài 23,65m giáp đường giao thông ; Cạnh phía N từ điểm 4 đến điểm 5 có chiều dài 25,27m giáp thửa đất số 127 tờ bản đồ số 39; Cạnh phía Đông từ điểm 2 đến điểm 3 đến điểm 4 có chiều dài 11,23 m giáp thửa đất số 127 tờ bản đồ số 39; Cạnh phía Tây điểm 1 đến điểm 6 đến điểm 5 có chiều dài 21,37 m giáp thửa đất số 127 tờ bản đồ số 39.

Buộc ông Kh tháo dở và di dời 01 ngôi nhà tạm cột gỗ tròn, mái lợp prôximăng,cửa gỗ loại đơn giản diện tích 44m^2 và 01 chuồng bò khung gỗ, mái lợp fibroximang, diện tích 8,1 m^2 xây dựng năm 2003 do ông Kh xây dựng và di dời công trình điện, nước.

Anh N và chị H được sở hữu các câu trồng sau trên đất tranh chấp gồm:

- 02 cây mít loại $\Phi \geq 30$cm trị giá 1.800.000 x 2 = 3.600.000 đồng.
- 01 cây mít trồng từ 3 đến 5 năm trị giá 115.900 đồng
- 07 cây dó trầm loại $\Phi \geq 30$cm trị giá 3.300.000 x 7 = 23.100.000 đồng
- 05 cây huê loại 15 cm $\leq \Phi \leq$ 30cm trị giá 1.650.000 x 5 = 8.250.000 đồng

- 01 cây bưởi có quả ổn định trị giá 661.200 đồng
- 05 cây bưởi trồng từ 3 đến 5 năm trị giá 158.400 x 5 = 792.000 đồng
- 30 bụi chuối sắp có buồng trị giá 25.300 x 30 = 759.000 đồng
- 02 cây ổi có quả ổn định trị giá 313.000 x 2 = 626.000 đồng
- 03 cây ổi sắp ra quả trị giá 189.000 x 3 = 567.000 đồng
- 30 bụi dứa đã ra quả trị giá 13.800 x 30 = 414.000 đồng
- 41 bụi chè trị giá 37.000 x 41 = 1.517.000 đồng.

Tổng trị giá các cây trồng trên đất tranh chấp là : 41.370.000đ (Bốn mươi mốt ngàn ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

Buộc ông N và chị H có nghĩa vụ trả lại giá trị cây trồng cho ông Kh số tiền 41.370.000đ (Bốn mươi mốt ngàn ba trăm bẩy mươi ngàn đồng).

Buộc anh N và chị H hỗ trợ số tiền di dời nhà và đường điện, nước cho ông Kh số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông Kh phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Đinh Văn N 300.000 (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí tại chị Cục Thi hành án dân sự huyện T2 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000798 ngày 11/7/2023.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đinh Xuân Kh có nghĩa vụ trả lại 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền chi phí tố tụng cho anh N đã nộp tại Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/11/2023) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện T2;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện T2;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trương Quốc Hoàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ